TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Thị Amina
2. Bà Mai Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp TB, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh **Đặng Công D**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp TB, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Công D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa do vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, thường xuyên gây gỗ với nhau, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại, chị và anh D vẫn còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Công D.

Về nuôi con chung: Chị và anh D có 02 con chung gồm: Đặng Công T1, sinh ngày 14/7/2003 và Đặng Thị Thanh N, sinh ngày 28/7/2007, sau khi ly hôn chị giao 02 con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Công D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Công T1, sinh ngày 14/7/2003 và Đặng Thị Thanh N, sinh ngày 28/7/2007, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T là nguyên đơn, anh Đặng Công D là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đặng Công D là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh D và chị T có 02 con chung gồm: Đặng Công T1, sinh ngày 14/7/2003 và Đặng Thị Thanh N, sinh ngày 28/7/2007, sau khi ly hôn anh D, chị T thống nhất để anh D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T là nguyên đơn, anh Đặng Công D là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh D chung sống với nhau vào từ năm 2002 không có đăng ký kết hôn. Xét việc sống chung với nhau như vợ chồng của chị T, anh D không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đặng Công D là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị T, anh D thống nhất sau khi ly hôn, anh D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Công T1, sinh ngày 14/7/2003 và Đặng Thị Thanh N, sinh ngày 28/7/2007. Mặt khác, nguyện vọng 02 con chung muốn sống cùng anh D khi cha mẹ ly hôn. Nên để anh D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp, anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đặng Công D.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Đặng Công T1, sinh ngày 14/7/2003 và Đặng Thị Thanh N, sinh ngày 28/7/2007 cho anh Đặng Công D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp tại biên lai thu số 0015310 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đặng Công D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan